

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2019**



NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/09/2019	01/01/2019
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		180.899.026.054	130.415.903.775
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.770.880.984	32.462.303.526
1. Tiền	111		25.851.992.777	18.462.303.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.918.888.207	14.000.000.000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	51.205.897.136	50.596.753.234
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		51.205.897.136	50.596.753.234
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.258.549.650	24.618.651.194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.904.083.170	20.962.680.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.993.144.348	3.649.014.710
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.576.057.901	2.221.692.184
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.214.735.769)	(2.214.735.769)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	16.230.318.006	16.295.325.787
Hàng tồn kho	141		16.230.318.006	16.295.325.787
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		7.433.380.278	6.442.870.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.356.939.704	2.213.660.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.034.625.046	4.229.209.434
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		41.815.528	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.341.405.353	292.814.137.848
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		13.292.634	13.292.634
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13.292.634	13.292.634
II . Tài sản cố định	220		213.147.873.007	222.772.919.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	211.980.154.318	222.302.125.599
<i>Nguyên giá</i>	222		752.432.878.447	728.842.790.708
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(540.452.724.129)	(506.540.665.109)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.167.718.689	470.793.857
<i>Nguyên giá</i>	228		6.273.444.666	5.074.186.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.105.725.977)	(4.603.392.809)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	6.622.594.332	9.690.368.158
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.622.594.332	9.690.368.158
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		63.549.315.380	60.329.227.600
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	63.549.315.380	60.329.227.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		464.240.431.407	423.230.041.623

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		238.470.151.010	212.501.383.269
I. Nợ ngắn hạn	310		188.030.567.644	169.862.060.477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	122.906.423.908	106.546.476.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	12.353.192.899	6.259.777.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.721.293.194	11.757.132.561
4. Phải trả người lao động	314		3.135.272.974	15.936.994.299
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	18.520.280.906	12.090.394.702
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	9.145.386.176	10.254.644.878
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	5.538.880.000	3.737.480.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.709.837.587	3.279.159.920
II. Nợ dài hạn	330		50.439.583.366	42.639.322.792
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	16.847.592.673	16.371.815.341
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	30.557.838.366	23.454.660.986
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	3.034.152.327	2.812.846.465
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.770.280.397	210.728.658.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	225.770.280.397	210.728.658.354
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.920.556.870	16.878.934.827
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>942.434.827</i>	<i>3.325.468.227</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>30.978.122.043</i>	<i>13.553.466.600</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		464.240.431.407	423.230.041.623

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019



NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỶNH TUẤN ANH
Giám đốc



Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ 9 THÁNG	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		271.889.310.866	259.347.211.376	794.104.662.267	744.850.156.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.380.985.716	116.399.811	3.973.946.036	380.391.039
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	268.508.325.150	259.230.811.565	790.130.716.231	744.469.765.242
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	237.363.555.056	240.303.231.718	709.687.432.268	703.650.755.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.144.770.094	18.927.579.847	80.443.283.963	40.819.009.717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.270.120.849	48.528.706	2.209.785.289	639.866.310
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	763.965.866	404.190.161	2.033.643.684	744.651.580
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>763.965.866</i>	<i>404.190.161</i>	<i>2.033.643.684</i>	<i>744.651.580</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.571.488.846	3.954.928.620	13.486.242.251	11.933.284.904
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.108.432.956	7.826.786.925	29.188.566.100	26.282.137.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.971.003.275	6.790.202.847	37.944.617.217	2.498.801.829
11. Thu nhập khác	31		797.789.971	275.904.801	1.804.812.982	1.356.125.352
12. Chi phí khác	32		572.263.753	127.999.176	1.812.844.134	111.753.412
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	225.526.218	147.905.625	(8.031.152)	1.244.371.940
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.196.529.493	6.938.108.472	37.936.586.065	3.743.173.769
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	3.352.109.979	712.755.819	6.737.158.160	712.755.819
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	221.305.862	729.688.624
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.844.419.514	6.225.352.653	30.978.122.043	2.300.729.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1.142	479	2.383	177
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1.142	479	2.383	177

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng



HUYỀN TUẤN ANH
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng 2019		9 tháng 2018	
I . Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.936.586.065		3.743.173.769	
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.350.727.387		34.153.960.453	
- Các khoản dự phòng	03		-		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.319.038.956)		(693.268.235)	
- Chi phí lãi vay	06		2.033.643.684		744.651.580	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.001.918.180		37.948.517.567	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.219.505.409)		86.166.081.732	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		65.007.781		4.129.257.384	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.221.740.198		(56.861.149.283)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.363.366.884)		1.555.326.496	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.497.679.623)		(744.651.580)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.931.205.928)		(3.520.826.326)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		52.825.000		113.590.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		4.158.647.333		(6.048.827.507)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.488.380.648		62.737.318.483	
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31.398.188.861)		(41.500.526.633)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-		73.650.822	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.518.979.328)		(62.644.164.384)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		79.909.835.426		-	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.151.255.063		723.303.810	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.856.077.700)		(103.347.736.385)	
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
Tiền thu từ đi vay	33		12.429.737.380		16.761.338.627	
Tiền trả nợ gốc vay	34		3.525.160.000		(1.788.212.721)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.278.622.870)		(9.054.914.584)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.676.274.510		5.918.211.322	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		33.308.577.458		(34.692.206.580)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.462.303.526		50.360.540.017	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	65.770.880.984		15.668.333.437	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởngHUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

MẪU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Tp. HCM	300.000	3.000.000.000	2,31
2	Ngân hàng TMCP Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	276.652	2.766.520.000	2,13
3	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	33 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	300.500	3.005.000.000	2,31
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	01 Công Trường Quốc Tế, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	6.630.400	66.304.000.000	51,00
5	Các cổ đông khác		5.492.448	54.924.480.000	42,25
	Cộng		13.000.000	130.000.000.000	100,00

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-028) 3 855 2354

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Fax : (84-028) 3 955 0424

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 465 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Tiền mặt	20.367.361	15.458.083
Tiền gửi ngân hàng	25.831.625.416	18.446.845.443
Các khoản tương đương tiền	39.918.888.207	14.000.000.000
Cộng	<u>65.770.880.984</u>	<u>32.462.303.526</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	51.205.897.136	51.205.897.136	50.596.753.234	50.596.753.234
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	32.405.897.136	32.405.897.136	33.096.753.234	33.096.753.234
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	18.800.000.000	18.800.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000
b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (iii)	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	51.214.227.136	51.214.227.136	50.605.083.234	50.605.083.234

(i) Ghi nhận khoản gửi tiền gửi kỳ hạn từ 6 - 8 tháng. Lãi suất 7,1 - 7,4%/ năm.

(ii) Ghi nhận khoản gửi tiền gửi kỳ hạn từ 6 - 9 tháng. Lãi suất từ 6 - 7% năm.

(iii) Số lượng 922 cổ phiếu.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2019	31/12/2018
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	11.603.832.564	12.951.055.881
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	17.072.059.134	6.596.064.211
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	228.191.472	1.415.559.977
Cộng	28.904.083.170	20.962.680.069

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	11.603.832.564	12.951.055.881
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch	-	292.958.500
Cộng	11.603.832.564	13.244.014.381

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.709.245.435	734.715.075
Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn	832.800.000	21.600.000
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	17.554.781	1.021.211.847
Công ty TNHH MTV CN Đồng Tâm Đồng Tiến	782.070.767	-
Công ty TNHH MTV Bá Đức	-	1.424.379.997
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước	54.020.108	103.158.207
Công ty TNHH May Thuê Giày An Phước	204.164.904	-
Công ty TNHH SX và KD XNK Tuyên Quang	297.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH XD Hồng Đăng	245.594.474	-
Các khách hàng khác	850.693.879	343.949.584
Cộng	5.993.144.348	3.649.014.710

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước	54.020.108	103.158.207
Cộng	54.020.108	103.158.207

5. Phải thu khác

	30/09/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	7.576.057.901	-	2.221.692.184	-
Phải thu khác là bên liên quan	15.695.000	-	15.695.000	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	-	-	-	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	15.695.000	-	15.695.000	-
Phải thu khác	7.560.362.901	-	2.205.997.184	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	7.130.775.788	-	882.388.624	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	941.469.774	-
Phải thu khác	273.837.113	-	382.138.786	-
Tạm ứng	155.750.000	-	-	-
b) Phải thu dài hạn khác	13.292.634	-	13.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	13.292.634	-	13.292.634	-
Cộng	7.589.350.535	-	2.234.984.818	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	30/09/2019			31/12/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ khác	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
Cộng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, xây dựng.... hay các khoản phải thu khác... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	30/09/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.102.536.760	-	16.167.544.542	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.246	-	127.781.245	-
Cộng	16.230.318.006	-	16.295.325.787	-

8. Chi phí trả trước

	30/09/2019	31/12/2018
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	3.356.939.704 ✓	2.213.660.600 ✓
Công cụ dụng cụ	1.872.939.704	1.443.860.596
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	1.484.000.000	769.800.004
b) Chi phí trả trước dài hạn	63.549.315.380 ✓	60.329.227.600 ✓
Chi phí sửa chữa văn phòng	324.222.874	127.590.081
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	43.132.207.457	43.602.581.187
Thay đồng hồ nước	14.765.370.765	9.513.146.861
Chi phí cải tạo ống mục	530.271.109	833.154.405
Lắp đặt màn sáo	-	12.941.530
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	4.649.629.481	4.997.114.068
Công cụ dụng cụ	94.881.245	35.521.955
Phần mềm ARCGIS	-	996.247.708
Xây dựng nhà kho vật tư	52.732.449	210.929.805
Cộng	66.906.255.084 ✓	62.542.888.200 ✓

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2019	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Tăng trong kỳ	-	455.582.392	23.833.628.586	412.370.000	24.701.580.978
Mua trong kỳ	-	455.582.392	1.200.563.818	412.370.000	2.068.516.210
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	22.633.064.768	-	22.633.064.768
Giảm trong kỳ	-	-	1.111.493.239	-	1.111.493.239
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.036.175.493	-	1.036.175.493
Quyết toán lại	-	-	75.317.746	-	75.317.746
30/09/2019	29.216.148.586	1.460.290.878	702.579.062.299	19.177.376.684	752.432.878.447
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2019	1.744.608.733	889.171.758	489.441.407.626	14.465.476.992	506.540.665.109
Tăng trong kỳ	439.147.863	75.885.695	32.617.535.011	1.715.825.651	34.848.394.220
Khấu hao trong kỳ	439.147.863	75.885.695	32.617.535.011	1.715.825.651	34.848.394.220
Giảm trong kỳ	-	-	936.335.199	-	936.335.199
Thanh lý, nhượng bán	-	-	936.335.199	-	936.335.199
30/09/2019	2.183.756.596	965.057.453	521.122.607.438	16.181.302.643	540.452.724.129
Giá trị còn lại					
01/01/2019	27.471.539.853	115.536.728	190.415.519.326	4.299.529.692	222.302.125.599
30/09/2019	27.032.391.990	495.233.425	181.456.454.861	2.996.074.041	211.980.154.318

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
01/01/2019	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779
30/09/2019	-	801.366.486	301.178.563.499	10.745.680.451	312.725.610.436

10. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/09/2019
<i>Phần mềm máy tính</i>				
Nguyên giá	5.074.186.666	1.479.128.000	(279.870.000)	6.093.489.666
Hao mòn lũy kế	(4.603.392.809)	(911.933.543)	409.600.375	(5.105.725.977)
Giá trị còn lại	470.793.857	567.194.457	129.730.375	1.167.718.689

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/09/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Công trình di dời đường ống	546.934.060	3.421.749.270
Công trình chống thất thoát nước	1.362.272.053	986.897.053
Công trình cải tạo ống mục	-	-
Công trình ống cái	986.760.322	1.441.724.098
Phát triển mạng lưới	3.726.627.897	2.820.694.737
Phát triển phần mềm Gis	-	1.019.303.000
Cộng	<u>6.622.594.332</u>	<u>9.690.368.158</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/09/2019</u>		<u>31/12/2018</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	115.791.692.450	115.791.692.450	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	11.765.552	11.765.552	223.677.256	223.677.256
Công ty CP Kỹ thuật Bách Nghệ Phú Thọ	-	-	67.584.000	67.584.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	-	454.778.500	454.778.500
Công ty TNHH PTP	3.715.470.000	3.715.470.000	-	-
Công ty Cổ phần ĐT XD Kỹ Nguyên	947.123.117	947.123.117	6.409.323.688	6.409.323.688
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	217.419.322	217.419.322	74.106.992	74.106.992
Các nhà cung cấp khác	2.222.953.467	2.222.953.467	3.548.451.784	3.548.451.784
Cộng	<u>122.906.423.908</u>	<u>122.906.423.908</u>	<u>106.546.476.852</u>	<u>106.546.476.852</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>30/09/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	115.791.692.450	95.768.554.632
<i>Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh</i>	11.765.552	223.677.256
Cộng	<u>115.803.458.002</u>	<u>95.992.231.888</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Truy thu tiền thất thoát nước	40.412.581	624.679.257
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành	318.893.390	226.393.390
Tiền nước chưa giải trách	11.821.945.394	5.390.542.199
Các khách hàng khác	171.941.534	18.162.419
Cộng	12.353.192.899	6.259.777.265

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2019
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	656.393.409	40.590.104.433	41.246.497.842	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.663.861	6.737.158.160	5.931.205.928	2.103.616.093
Thuế thu nhập cá nhân	399.384.651	2.784.811.349	3.226.011.528	(41.815.528)
Tiền thuế đất	-	885.351.600	590.234.400	295.117.200
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.403.690.640	74.283.263.072	74.364.393.811	9.322.559.901
- Phí bảo vệ môi trường	9.403.690.640	74.280.263.072	74.361.393.811	9.322.559.901
- Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	11.757.132.561	125.280.688.614	125.358.343.509	11.679.477.666

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	(41.815.528)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>11.757.132.561</u>	<u>11.721.293.194</u>

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Cung cấp nước : 5%.
- Cung cấp dịch vụ : 10%.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/09/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	1.516.455.070	6.658.888.973
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	4.555.137.633	4.284.122.474
Trích chi phí sửa bể, TLMD sửa bể, nâng dời ĐHN (TK 6272,1543)	5.032.053.191	-
Trích trước chi phí gắn Ống cái	949.060.608	186.857.932
Thù lao HDQT	216.000.000	345.600.003
Trích trước chênh lệch giá mua si Quý 1/2019	5.218.862.269	-
Lãi vay	535.964.061	-
Chi phí khác	496.748.074	614.925.320
Cộng	<u>18.520.280.906</u>	<u>12.090.394.702</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	9.145.386.176	10.254.644.878
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.296.338.608	5.547.209.146
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	447.440.806	27.396.443
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.186.555.865	1.065.178.735
Các khoản phải trả khác	2.424.091.040	2.823.900.697
b) Phải trả dài hạn khác	16.847.592.673	16.371.815.341
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	16.847.592.673	16.371.815.341
Cộng	<u>25.992.978.849</u>	<u>26.626.460.219</u>

Phải trả khác là các bên liên quan

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	711.572.719	711.572.719
<i>Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh</i>	70.000.000	70.000.000
Cộng	<u>781.572.719</u>	<u>781.572.719</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2019		Trong kỳ			30/09/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ ngắn hạn	3.737.480.000	3.737.480.000	-	(2.803.110.000)	4.604.510.000	5.538.880.000	5.538.880.000
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	3.737.480.000	3.737.480.000	-	(2.803.110.000)	4.604.510.000	5.538.880.000	5.538.880.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.454.660.986	23.454.660.986	12.429.737.380	(722.050.000)	(4.604.510.000)	30.557.838.366	30.557.838.366
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	23.454.660.986	23.454.660.986	12.429.737.380	(722.050.000)	(4.604.510.000)	30.557.838.366	30.557.838.366
Cộng	27.192.140.986	27.192.140.986	12.429.737.380	(3.525.160.000)	-	36.096.718.366	36.096.718.366

Thuyết minh chi tiết vay và nợ theo từng đối tượng:

[2] Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTĐ ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7.5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/01, 20/4, 20/7 và 20/10).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/09/2019</u>
Trong vòng 1 năm	5.538.880.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	22.155.520.000
Sau 5 năm	<u>8.402.318.366</u>
Cộng	36.096.718.366
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(5.538.880.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>30.557.838.366</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Tại ngày 01 tháng 01</u>	<u>Trích lập các quỹ từ lợi nhuận</u>	<u>Sử dụng các quỹ trong năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Tại ngày 30/9 hoặc 31/12</u>
Năm 2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	(2.926.230.000)	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	(1.518.567.714)	-	1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	92.990.852	302.125.000	(320.632.126)	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	(4.765.429.840)	113.590.000	3.279.159.920
Năm 2019					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	(2.885.758.333)	50.000.000	1.652.978.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	(1.272.889.000)	2.825.000	2.645.875.660
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	74.483.726	336.500.000	-	-	410.983.726

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 30/9 hoặc 31/12
Cộng	3.279.159.920	5.536.500.000	(4.158.647.333)	52.825.000	4.709.837.587

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Chi phí trả trước dài hạn
01/01/2018	1.135.172.495
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.677.673.970
31/12/2018	2.812.846.465
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	221.305.862
30/09/2019	3.034.152.327

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	18.940.433.248	212.053.528.177
Lãi trong năm trước	-	-	13.553.466.600	13.553.466.600
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
01/01/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Lãi trong kỳ này	-	-	30.978.122.043	30.978.122.043
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
30/09/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	31.920.556.870	225.770.280.397

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số **0304797806** ngày 18 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 03 ngày 18/5/2018		30/09/2019	31/12/2018
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2.13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42.25	36.123.100.000	36.123.100.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>30/09/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 05/NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	10.400.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598
Trích quỹ khen thưởng	2.800.000.000	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.400.000.000	2.926.340.546
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	336.500.000	302.125.000
Cộng	<u>15.936.500.000</u>	<u>15.614.965.021</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>
Doanh thu cung cấp nước	775.728.374.724	731.221.667.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.402.341.507	13.248.098.129
Cộng	<u>790.130.716.231</u>	<u>744.469.765.242</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	701.544.025.891	692.068.988.007
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.143.406.377	11.581.767.518
Cộng	<u>709.687.432.268</u>	<u>703.650.755.525</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.173.837.096	608.994.183
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.948.193	30.872.127
Cộng	2.209.785.289	639.866.310

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	2.033.643.684	744.651.580
Cộng	2.033.643.684	744.651.580

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	11.074.788.694	7.648.409.245
Chi phí dụng cụ đồ dùng	438.903.656	1.685.270.363
Chi phí khấu hao	537.010.840	692.937.595
Chi phí bằng tiền khác	1.435.539.061	1.906.667.701
Cộng	13.486.242.251	11.933.284.904

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	13.823.893.350	13.407.177.201
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.923.276.961	2.556.079.346
Chi phí khấu hao	2.661.876.117	2.925.235.122
Thuế, phí và lệ phí	184.955.202	149.607.205
Thuê đất	885.351.600	1.057.381.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.958.760	6.186.657.240
Chi phí bằng tiền khác	9.609.254.110	-
Cộng	29.188.566.100	26.282.137.714

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	1.804.812.982	1.356.125.352
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	73.650.822
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	909.091	7.272.728
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.582.271.930	563.325.365
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	-	559.712.674
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	12.538.000	6.336.000
Thu nhập khác	209.093.961	145.827.763
Chi phí khác	1.812.844.134	111.753.412
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	110.749.385	-
Nộp thuế chậm nộp	92.367.240	-
Chi phí hồ sơ mời thầu	47.128.027	4.992.000
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	1.407.898.078	80.107.986

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khác	154.701.404	26.653.426
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(8.031.152)	1.244.371.940
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	37.936.586.065	3.743.173.769
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	29.142.318.396	937.256.488
		2.805.917.281
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	8.794.267.669	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.126.303.088)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.218.670.328	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	92.367.240	-
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	22%	38%
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	36.810.282.977	3.743.173.769
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	6.248.984.353	358.789.350
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	21.767.030.955	578.467.138
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	8.794.267.669	2.805.917.281
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.737.158.160	712.755.819

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Từ năm 2018, Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.978.122.043	2.300.729.326
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.978.122.043	2.300.729.326
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.383	177

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.978.122.043	2.300.729.326
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.978.122.043	2.300.729.326
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	30.978.122.043	2.300.729.326
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.383	177

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>
Chi phí nước sạch	548.125.517.453	553.729.256.867
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.820.482.038	8.224.943.130
Chi phí nhân công	75.906.105.178	68.840.368.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.350.727.387	34.153.960.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.039.950.247	42.246.179.951
Chi phí bằng tiền khác	49.119.458.316	34.671.469.088
Cộng	<u>752.362.240.619</u>	<u>741.866.178.143</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	-	1.645.749.156
Cổ tức phải trả	1.186.555.865	1.161.318.735
Lãi vay chưa thanh toán	535.964.061	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	-	83.437.500
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã thanh toán trong kỳ này	2.052.342.831	207.016.483
Trả trước người bán mua sắm tài sản cố định	7.624.274.117	-
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	15.760.198.489	1.116.233.319

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	3.694.322.854	-
Cung cấp dịch vụ khác	-	-
Mua nước sạch	542.906.655.184	553.729.256.867
Mua vật tư	-	1.545.393.000
Mua tài sản	-	-
Thuê tài sản hoạt động	34.939.991.487	36.059.522.711
Lãi vay phải trả	-	387.650.731
Cung cấp dịch vụ	<u>3.595.072.071</u>	<u>3.500.000</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>254.141.570</u>	<u>938.333.745</u>
Công ty CP Cấp nước Tân Hòa		
Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể	<u>199.401.818</u>	-
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè		
Phải trả dịch vụ khác	<u>6.609.091</u>	-
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch		
Cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>(123.437)</u>
Công ty CP Tư Vấn Giao Thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	66.190.320	-
Tạm ứng hợp đồng tư vấn	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>30/09/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	11.603.832.564	12.951.055.881
Phải thu các khoản chi hộ	-	-
Phải trả thương mại	(115.791.692.450)	(95.768.554.632)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(711.572.719)	(711.572.719)
Phải trả tiền vay	<u>-</u>	<u>-</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ Phần Tư Vấn Giao thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	11.765.552	(223.677.256)
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	54.020.108	103.158.207
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	292.958.500
Phải thu khác	15.695.000	15.695.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tiền lương	1.944.000.000	1.908.000.000
Các khoản bảo hiểm phải trả	62.955.816	65.789.776
Cộng	2.006.955.816	1.973.789.776

2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính quý 3.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ không đáng kể.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Quận 5, Quận 6, Quận 8, Quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	30/09/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.770.880.984	65.770.880.984	32.462.303.526	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.214.227.136	51.214.227.136	50.605.083.234	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	26.689.347.401	26.689.347.401	18.747.944.300	18.747.944.300
Phải thu khác	13.292.634	13.292.634	954.762.408	954.762.408
Cộng	143.687.748.155	143.687.748.155	102.770.093.468	102.770.093.468
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	122.906.423.908	122.906.423.908	106.546.476.852	106.546.476.852
Chi phí phải trả	18.520.280.906	18.520.280.906	12.090.394.702	12.090.394.702
Phải trả khác	25.536.150.905	25.536.150.905	26.589.676.638	26.589.676.638
Các khoản vay	36.096.718.366	36.096.718.366	27.192.140.986	27.192.140.986
Cộng	203.059.574.085	203.059.574.085	172.418.689.178	172.418.689.178

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính quý 3, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng...).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/09/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.770.880.984	-	-	65.770.880.984
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.205.897.136	8.330.000	-	51.214.227.136
Phải thu của khách hàng	26.689.347.401	-	-	26.689.347.401
Phải thu khác	-	13.292.634	-	13.292.634
Cộng	143.666.125.521	21.622.634	-	143.687.748.155
Phải trả cho người bán	122.906.423.908	-	-	122.906.423.908
Chi phí phải trả	18.520.280.906	-	-	18.520.280.906
Phải trả khác	8.688.558.232	16.847.592.673	-	25.536.150.905
Các khoản vay	(8.402.318.366)	8.402.318.366	36.096.718.366	36.096.718.366
Cộng	141.712.944.680	25.249.911.039	36.096.718.366	203.059.574.085
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.953.180.841	(25.228.288.405)	(36.096.718.366)	(59.371.825.930)

31/12/2018

Tiền và các khoản tương đương tiền 32.462.303.526 - - 32.462.303.526

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	18.747.944.300	-	-	18.747.944.300
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
Cộng	102.748.470.834	21.622.634	-	102.770.093.468
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638
Các khoản vay	3.737.480.000	18.687.400.000	4.767.260.986	27.192.140.986
Cộng	132.592.212.851	35.059.215.341	4.767.260.986	172.418.689.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.843.742.017)	(35.037.592.707)	(4.767.260.986)	(69.648.595.710)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính quý 3 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 10 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng




HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ III NĂM 2019

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 năm 2019 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 3 năm 2019 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ:	262.303.876.760	252.894.712.609	9.409.164.151	103,72%
Doanh thu nước	260.470.621.543	252.894.712.609	7.575.908.934	103,00%
Doanh thu cho thuê TSCĐ	1.833.255.217	-	1.833.255.217	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.204.448.390	6.336.098.956	(131.650.566)	97,92%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	268.508.325.150	259.230.811.565	9.277.513.585	103,58%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 9.277.513.585 đồng, tỷ lệ tăng 103,58% do:

Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3/2018 là 9.409.164.151 đồng, tỷ lệ tăng 103,72% :

1) Doanh thu nước quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 7.575.908.934 đồng, tỷ lệ tăng 103% do:

Sản lượng nước cung cấp quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 375.530 m³, tỷ lệ tăng 101,41% làm cho doanh thu tăng 3.624.087.281 đồng.

Giá bán bình quân quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 148,48 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101,56% làm cho doanh thu tăng 3.951.821.603 đồng.

phần Cấp nước Chợ Lớn hạch toán doanh thu cho thuê TSCĐ từng tháng còn năm 2018 Công ty hạch toán 6 tháng một lần.

Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 3 năm 2019 giảm so với quý 3 năm 2018 là 131.650.566 đồng, tỷ lệ giảm 2,08%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	234.415.420.079	236.880.340.743	(2.464.920.664)	98,96%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	2.948.134.977	3.422.890.975	(474.755.998)	86,13%
Cộng	237.363.555.056	240.303.231.718	(2.939.676.662)	98,78%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	182.292.899.146	199.072.641.386	(16.779.742.240)	91,57%
Chi phí nguyên vật liệu khác	1.947.007.234	829.447.768	1.117.559.466	234,74%

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	16.376.429.467	15.849.802.567	526.626.900	103,32%
Chi phí khấu hao tài sản	10.995.859.792	10.353.856.972	642.002.820	106,20%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	11.779.360.383	12.044.224.157	(264.863.774)	97,80%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	6.056.945.037	(4.123.968.888)	10.180.913.925	-146,87%
Chi phí chống thất thoát nước	1.007.598.328	1.367.032.957	(359.434.629)	73,71%
Chi phí cải tạo ống mục	555.438.930	353.440.290	201.998.640	157,15%
Chi phí sửa bể	2.044.238.517	752.425.087	1.291.813.430	271,69%
Chi phí khác	1.359.643.245	381.438.447	978.204.798	356,45%
Tổng chi phí sản xuất	234.415.420.079	236.880.340.742	(2.464.920.664)	98,96%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	-	-	-	
Giá vốn đã cung cấp	234.415.420.079	236.880.340.742	(2.464.920.664)	98,96%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong quý 3/2019 thấp hơn so với quý 3/2018 là 2.939.676.662 đồng, tỷ lệ giảm 1,22% gồm:

Giá vốn cung cấp nước trong quý 3 năm 2019 so với quý 3 năm 2018 giảm 2.464.920.664 đồng, tỷ lệ giảm 1,04% do:

1. Giá vốn mua sỉ nước sạch tăng 31.306.392.833 đồng do:

- Sản lượng nước mua sỉ quý 3 năm 2019 giảm so với quý 3 năm 2018 là 3.969.146 m³ trong đó:
 - + Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn truy thu thêm khối lượng nước mua bán của đồng hồ tổng tại vị trí Hương Lộ 2-Quốc lộ 1A từ ngày 28/8/2017 đến kỳ 12/2017 là 750.556 m³, số tiền là 3.703.400.921 đồng.
 - + Truy thu kỳ 1/2018 đến kỳ 5/2018 là 992.196 m³, số tiền là 4.993.613.326 đồng
 - + Sản lượng quý 3/2019 thấp quý 3/2018 là 2.226.394 m³, số tiền giảm là 11.400.473.116 đồng
 - + Giá mua sỉ nước sạch năm 2019 tăng 87,71 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101,74% làm cho chi phí mua sỉ nước sạch tăng 3.317.745.124 đồng

2. Chi phí nguyên vật liệu khác tăng 1.117.559.466 đồng so với quý 3/2018, tỷ lệ giảm là 234,74%, do năm 2019 Công ty đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước.

3. Chi phí nhân công quý 3/2019 cao hơn quý 3/2018 là 526.626.900 đồng, tỷ lệ tăng 103,32% do năm 2019 tăng chủ yếu do tăng khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ (tăng 400.000đ/người)

4. Chi phí khấu hao tài sản quý 3 năm 2019 cao hơn 642.002.820 đồng, tỷ lệ 106,2% do giá trị tài sản cố định để tính khấu hao tài sản quý 3/2019 cao hơn giá trị tài sản cố định của quý 3/2018.

5. Chi phí thuê TSCĐ giảm 264.863.774 đồng, tỷ lệ giảm 2,2% do chi phí lãi vay phải trả của Tcty giảm nên chi phí thuê tài sản giảm.

6. Chi phí gắn và thay ĐHN quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 10.180.913.925 đồng, do quý 3 năm 2018 hoàn nhập chi phí trích trước gắn đồng hồ nước nhưng không chi hết và tài nhập kho chi phí gắn, thay đồng hồ nước của năm 2015 đến 2017

7. Ngoài ra các chi phí khác của quý 3 năm 2019 tăng, giảm so với quý 3 năm 2018 là:

Chi phí chống thất thoát nước giảm 359.434.629 đồng, tỷ lệ giảm 26,29%

Chi phí CTOM tăng 201.998.640 đồng, tỷ lệ tăng 157,15%

Chi phí phục vụ công tác sửa bể tăng 1.291.813.473 đồng, tỷ lệ tăng 151,2%, do năm 2019 Công ty đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước (cụ thể quý 3 năm 2019 Công ty đã thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể là 1.971.177.719 đồng)

Chi phí khác tăng 978.204.798 đồng, tỷ lệ tăng 356,45%

0304
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHÍNH
TRỊ
S-T-P

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3.615.732.642	2.561.514.325	1.054.218.317	141,16%
Chi phí công cụ dụng cụ	161.657.733	604.987.082	(443.329.349)	26,72%
Chi phí khấu hao	200.144.761	229.530.775	(29.386.014)	87,20%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	593.953.710	558.896.438	35.057.272	106,27%
Cộng	4.571.488.846	3.954.928.620	616.560.226	115,59%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 3 năm 2019 cao so với quý 3 năm 2018 là 616.560.226 đồng, tỷ lệ tăng là 115,59%.

Chi phí nhân công tăng 1.054.218.317 đồng, tỷ lệ tăng 141,16% tăng chủ yếu do: năm 2019 Công ty hạch toán tạm chi phí tiền lương theo kế hoạch tiền lương đã được duyệt, bên cạnh đó, quỹ lương kế hoạch năm 2019 cao hơn quỹ lương năm 2018.

Chi phí công cụ dụng cụ giảm 443.329.349 đồng, tỷ lệ giảm 73,28%, do năm 2018 Công ty đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phát hành hóa đơn điện tử tiền nước và hóa đơn điện tử cung cấp dịch vụ.

Chi phí khấu hao giảm 29.386.014 đồng, tỷ lệ giảm 12,8%

Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 35.057.272 đồng, tỷ lệ tăng 106,27%, so với quý 3 năm 2018

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	4.368.764.551	4.148.712.651	220.051.900	105,30%
Chi phí công cụ dụng cụ	338.349.991	850.849.754	(512.499.763)	39,77%
Chi phí khấu hao	855.675.862	959.470.918	(103.795.056)	89,18%
Thuế, phí chuyển tiền	295.117.200	43.905.435	251.211.765	672,17%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	3.250.525.352	1.823.848.167	1.426.677.185	178,22%
Cộng	9.108.432.956	7.826.786.925	1.281.646.031	116,38%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 1.281.646.031 đồng, tỷ lệ tăng 116,38% do:

Chi phí nhân công tăng 220.051.900 đồng, tỷ lệ tăng là 105,3%

Chi phí công cụ dụng cụ giảm 512.499.763 đồng, tỷ lệ giảm 60,23%: do năm 2018 Công ty đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phát hành hóa đơn điện tử tiền nước và hóa đơn điện tử cung cấp dịch vụ.

Thuế, phí chuyển tiền tăng so với năm 2018 là 251.211.765 đồng, tỷ lệ tăng 672,17% do năm 2019 công ty hạch toán tiền thuế đất từng tháng, còn năm 2018 thì không.

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.257.773.593	39.202.800	1.218.570.793	3208,38%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.347.256	9.325.906	3.021.350	132,40%
Cộng	1.270.120.849	48.528.706	1.221.592.143	2617,26%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 1.221.592.143 đồng, tỷ lệ tăng 2617,26% do quý 3 năm 2019 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn so với quý 3/2018.

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	763.965.866	404.190.161	359.775.705	189,01%
Cộng	763.965.866	404.190.161	359.775.705	189,01%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của quý 3 năm 2019 tăng so với quý 3 năm 2018 là 359.775.705 đồng, tỷ lệ tăng 189,01%, Công ty thanh toán lãi vay các dự án năm 2017 đã giải ngân trong năm 2018 và 9 tháng đầu năm 2019.

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	-	3.636.364	(3.636.364)	
Thu tiền KH đầu tư ống cái	781.565.042	236.102.113	545.462.929	331,03%
Khảo sát thiết kế đường ống	690.000	-		
Thu khác	15.534.929	36.166.324	(20.631.395)	42,95%
Cộng	797.789.971	275.904.801	521.195.170	289,15%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 3/2019 tăng so với quý 3/2018 là 521.885.170 đồng, tỷ lệ tăng 289,15% chủ yếu do khoản thu nhập từ khách hàng đầu tư ống cái không hoàn vốn giảm 545.462.929 đồng, tỷ lệ tăng 331,01%.

IX. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Đăng báo mời thầu	4.051.800	4.992.000	(940.200)	81,17%
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	516.830.693	102.758.071	414.072.622	502,96%
Khảo sát thiết kế đường ống	1.500.000	-	1.500.000	
Khác	49.881.260	20.249.105	29.632.155	246,34%
Cộng	572.263.753	127.999.176	444.264.577	447,08%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 3/2019 tăng so với quý 3/2018 là 444.264.577 đồng, tỷ lệ tăng 447,08% chủ yếu do khoản chi phí ống cái không hoàn vốn tăng 414.072.622 đồng, tỷ lệ tăng 502,96%.

15-C
N
C
IN
CHI

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.196.529.493	6.938.108.472	11.258.421.021	262,27%
Thuế TNDN	3.352.109.979	712.755.819	2.639.354.160	100,00%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.844.419.514	6.225.352.653	8.619.066.861	238,45%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận sau thuế của quý 3/2019 là 14.844.419.514 đồng, cao hơn lợi nhuận của quý 3/2018 là 8.619.066.861 đồng.

LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH



Quận 5, ngày 17 tháng 10 năm 2018

GIÁM ĐỐC

HUỲNH TUẤN ANH